

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST

Ngày 07/11/2022.

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Hồng Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Hồng Vinh**.

2. Ông **Hoàng Văn Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Hiếu** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Cao Thị Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 và 07 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-DS ngày 14/10/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Hồng H1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 27, thôn X, xã Y huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng H1 là: Bà **NĐD**, sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường F, thành phố I, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1984. Vắng mặt khi tuyên án.

Địa chỉ: Thôn R, xã O, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Bà NĐD trình bày:**

Gia đình nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 sản xuất kinh doanh bao bì đựng trái thanh long tại xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Ông Phạm Văn T là khách hàng của bà H1. Giữa bà H1 và ông T mua bán bao bì làm ăn với nhau theo hình thức mua đứt bán đoạn. Sau đó ông T tiếp tục mua bao bì của bà H1 rồi không trả tiền, bà H1 đã làm việc với ông T rất nhiều lần nhưng ông T vẫn cố tình lẩn tránh. Ngày 10/3/2021 ông Phạm Văn T làm giấy xác nhận nợ số tiền là 2.091.000.000 đồng và cam kết đến ngày 10/4/2021 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên nhưng đến hạn ông T vẫn không có thiện chí trả nợ nên bà Nguyễn Thị Hồng H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 số tiền mua bao bì đựng trái thanh long còn nợ là 2.091.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm chín mươi một triệu đồng*), tiền lãi chậm trả tính đến ngày 11/10/2022 số tiền: 2.091.000.000 đồng $\times$ 0,83%/tháng $\times$ 18 tháng = 312.395.400 đồng (*Ba trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng*). Tổng cộng số tiền là: 2.403.395.400 đồng (*Hai tỷ bốn trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng*).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Bà NĐD tự nguyện giảm bớt tiền lãi cho bị đơn số tiền là: 150.395.400 đồng (*Một trăm năm mươi triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng*) chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi chậm trả là: 162.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu đồng*).

*** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2022 tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:**

Ông Phạm Văn T thừa nhận ông là khách hàng mua bao bì túi ny long (dùng để bảo quản trái thanh long) của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 từ năm 2019. Ông Phạm Văn T cũng thừa nhận trong quá trình làm ăn buôn bán xuất khẩu trái thanh long ông có mua bao bì nhựa của bà Nguyễn Thị Hồng H1 và hiện còn nợ số tiền gốc như bà H1 trình bày là: 2.091.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm chín mươi một triệu đồng*) và tiền lãi tạm tính đến ngày 11/3/2022 số tiền 289.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi chín triệu đồng*) như bà Nguyễn Thị Hồng H1 tính. Đối với số nợ này, ông Phạm Văn T thừa nhận tuy nhiên do hiện nay ông T đang gặp khó khăn nên ông xin bà H1 cho ông tiền lãi, đối với số tiền nợ gốc 2.091.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm chín mươi một triệu đồng*) ông xin nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 cho ông trả dần theo năm, mỗi năm trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 số tiền mua bao bì đựng trái thanh long hiện còn nợ là: 2.253.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi ba triệu đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là: 2.091.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm chín mươi một triệu đồng*), tiền lãi chậm trả số tiền là: 162.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án, hình thức và nội dung đơn phù hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản với ông Phạm Văn T còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Người bị kiện là ông Phạm Văn T có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về đánh giá tính hợp pháp đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền mua bao bì đựng trái thanh long hiện còn nợ là 2.091.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm chín mươi một triệu đồng*).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ” có chữ ký xác nhận của bị đơn ông Phạm Văn T. Theo lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với thừa nhận của bị đơn ông Phạm Văn T tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2022 về việc bị đơn còn nợ số tiền mua bao bì đựng trái thanh long là 2.091.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm chín mươi một triệu đồng*). Đây là thừa nhận của đương sự không bị ép buộc. Do đó căn cứ

vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét thấy việc ông Phạm Văn T mua bao bì đựng trái thanh long tại cơ sở của bà Nguyễn Thị Hồng H1 và còn nợ số tiền trên là có thật.

Từ những phân tích trên cho thấy có căn cứ xác định giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 và bị đơn ông Phạm Văn T có thiết lập hợp đồng mua bán tài sản là sự thật. Đây là hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 như vậy bên mua tài sản phải có nghĩa vụ trả đủ tiền như đã mua tài sản. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi chậm trả tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 yêu cầu ông Phạm Văn T phải trả số tiền lãi từ ngày 11/4/2021 đến ngày 11/10/2022 là: $2.091.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 312.395.400 \text{ đồng}$ (*Ba trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng*). Hội đồng xét xử thấy rằng, tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này.”.

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền trong trường hợp không có thỏa thuận là 10%/năm (tức 0,83%/tháng).

Xét yêu tính lãi chậm trả tiền của bà Nguyễn Thị Hồng H1 là 0,83%/tháng trên số tiền còn nợ không vượt quá lãi suất theo quy định nên chấp nhận số tiền lãi như trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Bà NĐD tự nguyện giảm bớt tiền lãi cho bị đơn số tiền là: 150.395.400 đồng (*Một trăm năm mươi triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng*) chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi chậm trả là: 162.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu đồng*). Đây là ý chí tự nguyện của phía nguyên đơn không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Bà NĐD chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 11/10/2022. Đây cũng là ý chí tự nguyện của phía nguyên đơn không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền nợ gốc, lãi ông Phạm Văn T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 là: 2.253.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi ba triệu đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là: 2.091.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm chín mươi một triệu đồng*), tiền lãi chậm trả tính đến ngày 11/10/2022 số tiền: 162.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu đồng*).

Từ nhận định trên, căn cứ vào Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015, xét thấy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 buộc bị đơn ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 số tiền là 2.253.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi ba triệu đồng*).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 được chấp nhận nên bà H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 269 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 430, 434, 440, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng H1.

Buộc ông Phạm Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H1 số tiền là 2.253.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Ông Phạm Văn T phải chịu 77.060.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.800.000 đồng (*Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000657 ngày 14 tháng 3 năm 2022 và số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000665 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/11/2022). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa khi tuyên án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hồng Thanh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Hồng Thanh